

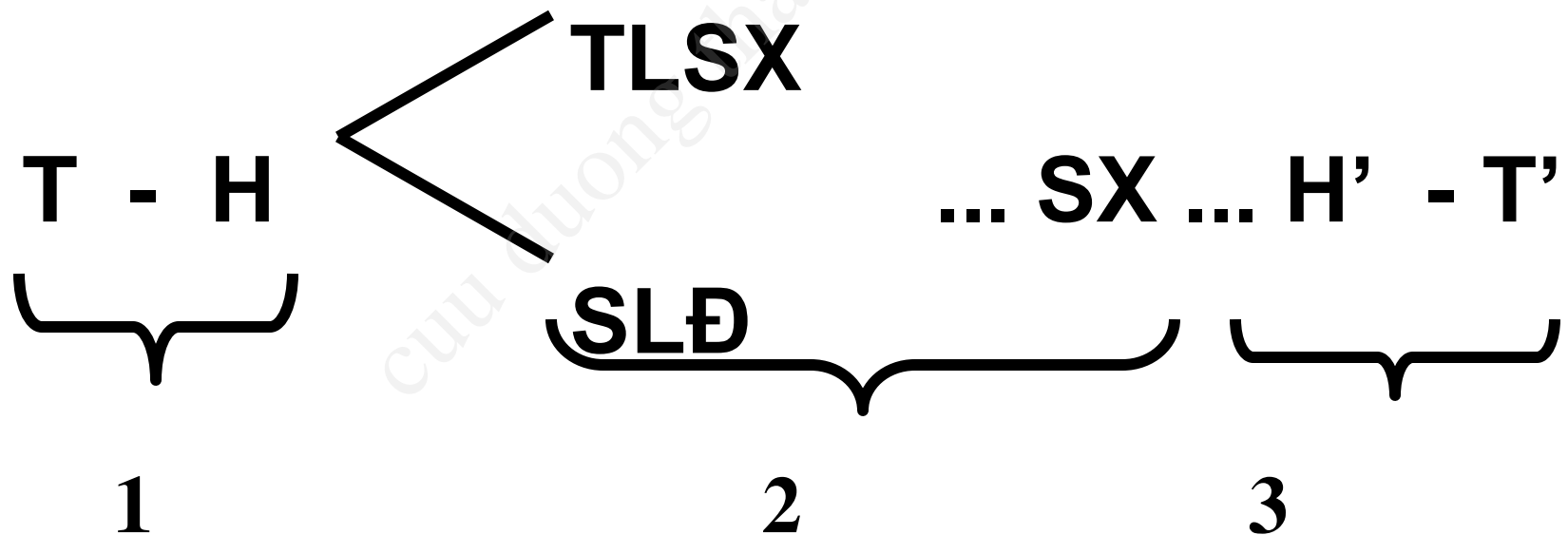
CHƯƠNG V (Tiếp)

HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

V. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư

1. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản

a) Tuần hoàn của tư bản



✧ ***Giai đoạn 1 (Lưu thông) => Quan hệ trao đổi T - H là một giai đoạn vận động của TB bao gồm:***

➤ **Hành vi T mua TLSX => Mua bán thông thường**

➤ **Hành vi T mua SLĐ => Chỉ đến CNTB mới có và nhà TB đã nhằm khả năng SLĐ sản sinh ra GTTD**

✧ ***Giai đoạn 2 (Sản xuất) => Đây là giai đoạn SX HH thông thường và đây cũng được coi là một giai đoạn vận động của TB. Ở đây nhà TB khai thác tính đặc biệt của SLĐ (khả năng sản sinh ra GTTD của hàng hóa SLĐ)***

❖ **Khái niệm: *Tuần hoàn của TB***
là sự vận động liên tục của TB
trải qua 3 giai đoạn, lần lượt
mang 3 hình thái, thực hiện 3
chức năng khác nhau rồi lại
trở về hình thái ban đầu có
kèm theo GTTD (m).

KL: Tuần hoàn của TB chỉ được tiến hành với 2 điều kiện:

- *Các giai đoạn diễn ra liên tục*
- *Các hình thái TB cùng tồn tại và được chuyển hóa đều đặn*

==> Đó là sự vận động liên tục, không ngừng; đồng thời là sự vận động không đứt quãng.

b) Chu chuyển của tư bản

❖ Khái niệm

➤ *Chu chuyển của TB* là tuần hoàn của TB, được xem xét với tư cách là một quá trình định kì đổi mới và thường xuyên lặp đi lặp lại.

➤ ***Thời gian chu chuyển của TB***
là thời gian bao gồm thời gian SX và thời gian lưu thông.

Thời gian chu chuyển của TB càng rút ngắn thì càng tạo điều kiện cho GTTD được SX ra nhiều hơn, TB càng lớn nhanh hơn.

❖ Tốc độ chu chuyển của TB

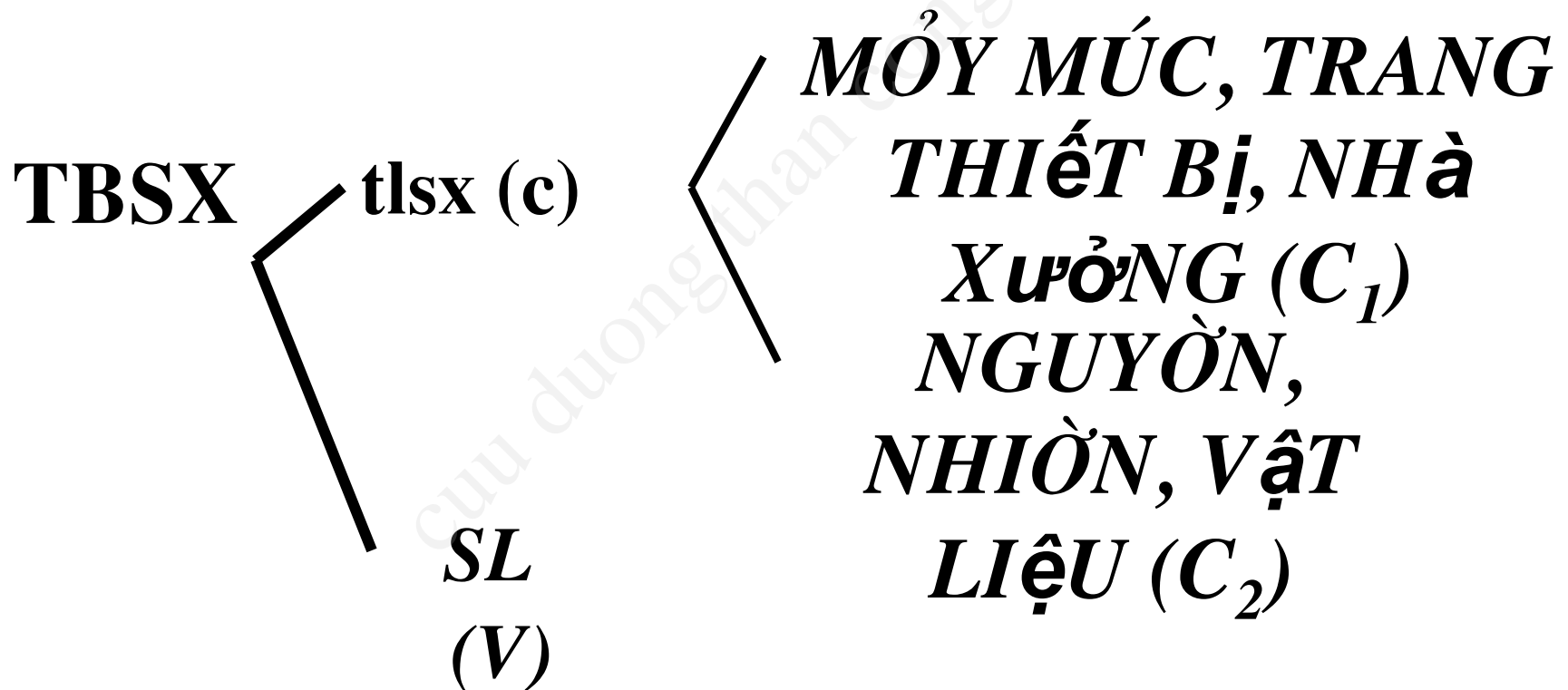
$$n = \frac{\text{CH}}{\text{ch}}$$

CH: khoảng thời gian TB vận động trong 1 năm (ngày, tháng ...)

n: Số vòng chu chuyển của TB

ch: T.gian cho 1 vòng C^2 của TB

***c) Sự phân chia TBSX thành
TB cố định và TB lưu động***



==> Khái niệm : TB cố định (TBCĐ) là bộ phận TB sản xuất tồn tại dưới dạng máy móc, thiết bị, nhà xưởng, v.v... tham gia toàn bộ vào quá trình SX, nhưng giá trị của nó không chuyển hết một lần vào sản phẩm mà chuyển dần từng phần theo mức độ hao mòn của nó trong thời gian SX.

==> Khái niệm: *TB lưu động*
(TBLĐ) là bộ phận TB sản xuất
tồn tại dưới dạng nguyên liệu,
nhiên liệu, vật liệu phụ, sức lao
động, v.v... giá trị của nó được
hoàn lại toàn bộ cho nhà TB sau
mỗi một quá trình SX, khi HH
được bán xong.

2. TSX và lưu thông của TB xã hội

a) Một số *khái niệm* cơ bản

❖ *TB xã hội*: là tổng số TB cá biệt hoạt động đan xen lẫn nhau, tác động nhau, tạo tiền đề cho nhau.

❖ ***TSX tư bản xã hội:*** là TSX tư bản cá biệt đan xen lẫn nhau, phụ thuộc vào nhau.

TSX tư bản xã hội có 2 loại:

+ TSX giản đơn

+ TSX mở rộng

❖ ***Tổng sản phẩm XH*** là toàn bộ sản phẩm mà XH sản xuất ra trong một năm.

+ ***Về giá trị*** nó bao gồm: $C + V + m$

+ ***Về mặt hiện vật*** gồm: \Rightarrow TLSX

\Rightarrow TLTD

Bộ phận của tổng sản phẩm XH thể hiện số GT mới sáng tạo ra $(V+m)$ gọi là Thu nhập quốc dân.

b) *Điều kiện* thực hiện tổng sản phẩm xã hội

❖ Điều kiện thực hiện tổng sản phẩm XH trong TSX giản đơn:

$$I (v + m) = II c$$

❖ Điều kiện thực hiện tổng sản phẩm XH trong TSX mở rộng:

$$I (v + m) > II c$$

c) Sự phát triển của Lênin đối với lí luận TSX tư bản XH của Mác

- **Sản xuất TLSX để chế tạo TLSX
tăng nhanh nhất,**
- **Sau đó là sản xuất TLSX để chế tạo
TLTD,**
- **Và chậm nhất là sự phát triển của
sản xuất TLTD**

**Đó cũng là nội dung của Quy luật
ưu tiên phát triển sản xuất TLSX.**

3. Khủng hoảng KT trong CNTB

a) Bản chất và nguyên nhân

- ❖ Bản chất**
- ❖ Biểu hiện**
- ❖ Nguyên nhân trực tiếp**
- ❖ Nguyên nhân sâu xa**

b) Tính chu kỳ của khủng hoảng kinh tế trong CNTB

❖ Chu kỳ kinh tế của CNTB là khoảng thời gian của nền kinh tế TBCN vận động giữa hai cuộc khủng hoảng, từ cuộc khủng hoảng kinh tế này tới cuộc khủng hoảng kinh tế khác...

❖ **Một chu kỳ kinh tế thường
bao gồm 4 giai đoạn:**

- **Khủng hoảng,**
- **Tiêu điều,**
- **Phục hồi,**
- **Hưng thịnh.**

❖ **Khủng hoảng kinh tế trong nông nghiệp TBCN:**

**Khủng hoảng kinh tế trong
nông nghiệp thường diễn ra
sau và kéo dài hơn khủng
hoảng kinh tế trong công
nghiệp.**


VI. CÁC HÌNH THÁI TƯ BẢN VÀ CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GTTD

1. Chi phí sản xuất TBCN, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

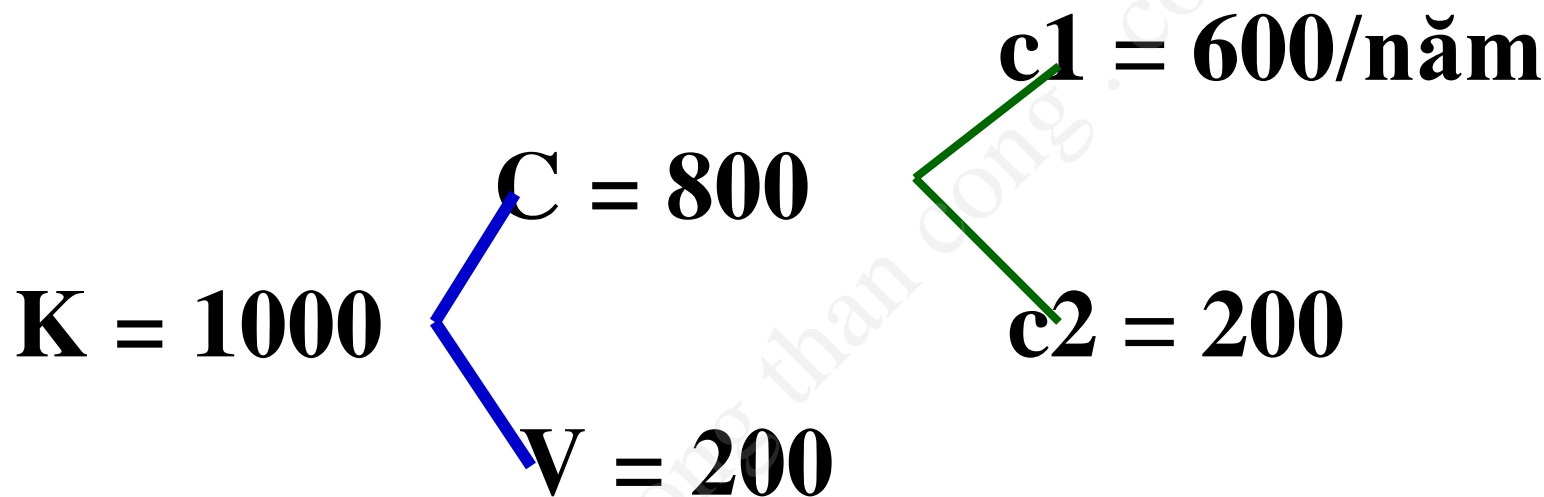
a) Khái niệm:

- ❖ Chi phí sản xuất TBCN (k)
=> Là chi phí về TB mà nhà TB bỏ ra để sản xuất HH.**

KL: Phạm trừ chi phí
SXTBCN đã che dấu thực
chất bóc lột của nhà TB đối
với CN làm thuê:

$$GTHH = \underbrace{C + V}_k + m \rightarrow GTHH = k + m$$


❖ Phân biệt chi phí SX TBCN (k) với TB ứng trước (K)



$$k = 60 \text{ (khấu hao } c1) + 200 \text{ (} c2) + 200 \text{ (} V)$$

$$\Rightarrow k < K$$

b) *Lợi nhuận*

❖ **Lợi nhuận(p):**

$$GTHH = \underbrace{c + v + m}_k \longrightarrow GTHH = k + \underset{?}{m}$$

Khái niệm *lợi nhuận* (p): Là hình thái biến tướng của GTTD một khi được quan niệm là con đẻ của TB ứng trước.

c) ***Tỷ suất lợi nhuận (p')***

$$p' (\%) = \frac{m}{c + v} \times 100 (\%)$$

- ❖ **Khái niệm: Tỷ suất lợi nhuận**
là tỷ số tính theo phần trăm
giữa GTTD và toàn bộ TB ứng
trước.

d) Những nhân tố ảnh hưởng tới p' :

- + p' tỉ lệ thuận với m'**
- + p' tỉ lệ nghịch với cấu tạo hữu cơ của TB**
- + Tiết kiệm TBBB**
- + p' tỉ lệ thuận với tốc độ chu chuyển của TB**

Các nhà TB luôn sử dụng, khai thác cả 4 yếu tố trên để đạt tỉ suất lợi nhuận bình quân cao nhất.

2. Lợi nhuận bình quân và giá cả SX

Cơ chế hình thành lợi nhuận BQ và giá cả SX là tự do và cạnh tranh.

a) *Cạnh tranh trong nội bộ ngành và sự hình thành giá trị thị trường*

❖ *Khái niệm* : Là sự cạnh tranh giữa các XN trong cùng một ngành, cùng SX ra một loại HH.

- ❖ **Mục đích?**
- ❖ **Nguyên nhân?**
- ❖ **Biện pháp?**
- ❖ **Kết quả?**

b) *Cạnh tranh giữa các ngành và sự h.thành lợi nhuận bình quân*

❖ *Khái niệm* : Là sự cạnh tranh giữa các ngành SX khác nhau.

❖ *Mục đích* : Nhằm tìm nơi đầu tư có lợi hơn, thu được tỷ suất lợi nhuận (c/v) cao hơn.

- ❖ **Điều kiện?**
- ❖ **Biện pháp?**
- ❖ **Kết quả?**
- ❖ **Nhận xét?**

3. Sự chuyển hóa của giá trị HH thành giá cả SX

**Cùng với sự hình thành tỷ suất
lợi nhuận bình quân ta có:**

Khi $m \implies p^-$

thì giá trị HH \implies giá cả SX

4. Sự phân chia GTTD giữa các giai cấp bóc lột trong CNTB

a) *TB thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp trong CNTB*

❖ *Khái niệm* : TB thương nghiệp là một bộ phận của TB công nghiệp được tách rời ra và ph.vụ quá trình l.thông HH của TB c.nghiep.

❖ **Lợi nhuận thương nghiệp**

TBCN

- **Bản chất: Lợi nhuận thương nghiệp là một bộ phận của GTTD được tạo ra trong lĩnh vực SX và do nhà TB công nghiệp “nhượng” lại cho nhà TBTN để nhà TBTN tiêu thụ HH cho mình.**

➤ ***Sự hình thành lợi nhuận***

TN:

Sự hình thành lợi nhuận thương nghiệp do chênh lệch giữa giá bán với giá mua hàng hoá của TB thương nghiệp.

b) TB cho vay và lợi tức cho vay

Sự xuất hiện TB cho vay:

- **Hiện tượng TB tiền tệ dễ rồi**
- **Sự khác nhau về tốc độ chu chuyển của TB và cơ hội kinh doanh giữa các TB cá biệt làm xuất hiện quan hệ cung-cầu về TB tiền tệ**

❖ ***Khái niệm*** : TB cho vay trong (z) CNTB là TB tiền tệ tạm thời nhàn rỗi mà người chủ sở hữu nó cho người khác sử dụng trong một thời gian nhằm nhận được số tiền lời nhất định. Số tiền lời đó gọi là ***LỢI TỨC***

❖ ***Công thức vận động của TB cho vay*** → **$T - T'$**

Lợi tức và tỷ suất lợi tức

❖ *Bản chất của lợi tức(z)*

Lợi tức (z) là một phần của lợi nhuận bình quân mà nhà TB đi vay phải trả cho nhà TB cho vay căn cứ vào lượng TB tiền tệ mà nhà TB cho vay đã bỏ ra cho nhà TB đi vay sử dụng.

❖ Tỷ suất lợi tức(z')

$$z'(\%) = \frac{Z}{\sum \text{TB cho vay}} \times 100(\%)$$

$$0 < z' < \overline{p'}$$

Khái niệm: Tỷ suất lợi tức là tỉ lệ tính theo % giữa tổng số lợi tức và số lượng TB tiền tệ cho vay (tính theo tháng, quý, năm...)

c) Quan hệ tín dụng TBCN

Ngân hàng và lợi nhuận ngân hàng

❖ Khái niệm:

➤ *Tín dụng thương nghiệp:* là quan hệ trực tiếp giữa các nhà tư bản kinh doanh, mua bán chịu hàng hoá với nhau.

➤ ***Tín dụng ngân hàng:*** là quan hệ vay mượn giữa người có tiền với những người sản xuất, kinh doanh qua ngân hàng làm môi giới trung gian.

Ngoài ra còn các hình thức tín dụng khác như: tín dụng nhà nước, tín dụng tiêu dùng, tín dụng quốc tế...

➤ ***Lợi nhuận ngân hàng***

$P_{NH} = Z \text{ cho vay} - Z \text{ nhận gửi} - \text{Chi phí nghiệp vụ kinh doanh NH}$

$$P_{\text{Ngân hàng}} = \bar{p}$$

➤ ***Tỷ suất lợi nhuận ngân hàng là tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận ngân hàng thu được trong một năm với TB tự có của ngân hàng.***

d) Công ty cổ phần.

TB giả và thị trường chứng khoán

❖ Khái niệm : Công ty cổ phần là một loại hình xí nghiệp lớn mà vốn của nó được hình thành từ sự đóng góp của nhiều người thông qua việc phát hành cổ phiếu.

❖ *Một số khái niệm:*

➤ **Cổ phiếu**

➤ **Cổ tức**

➤ **Cổ đông**

➤ **Trái phiếu**

➤ **TB giả và đặc điểm của nó**

➤ Có 2 loại chứng khoán:

- * Cổ phiếu do công ty cổ phần phát hành

- * Trái phiếu => có 2 loại:

 - + Trái phiếu công ty (doanh nghiệp) => Do các doanh nghiệp phát hành

 - + Trái phiếu chính phủ (công trái) => Do CP phát hành

Thị trường chứng khoán

❖ *Khái niệm:* Thị trường chứng khoán là nơi mua bán chứng khoán.

❖ *2 chức năng cơ bản của thị trường chứng khoán:*

➤ *Huy động tiền tiết kiệm, tiền nhàn rỗi của dân*

➤ *Luân chuyển vốn*

❖ *Phân loại:*

Thị trường chứng khoán được phân thành 2 cấp độ:

➤ ***Thị trường sơ cấp* => Là thị trường mua bán các chứng khoán phát hành lần đầu.**

➤ ***Thị trường thứ cấp* => Là thị trường mua đi bán lại nhiều lần các chứng khoán.**

e) *QHSX TBCN trong nông nghiệp và địa tô TBCN*

- ❖ **Sự hình thành QHSX TBCN trong NN theo 2 con đường điển hình**
- ❖ **Khi CNTB hình thành trong nông nghiệp, ở lĩnh vực này tồn tại 3 giai cấp cơ bản:**
 - **Địa chủ độc quyền SH ruộng đất**
 - **Nhà TB kinh doanh nông nghiệp**
 - **Công nhân nông nghiệp làm thuê**

❖ Các hình thức địa tô TBCN

- ***Khái niệm*** : Địa tô TBCN (r) là phần GTTD còn lại sau khi đã khấu trừ đi phần lợi nhuận bình quân mà các nhà TB kinh doanh NN phải nộp cho địa chủ.
- ***Về bản chất*** địa tô TBCN chính là hình thức chuyển hóa của GTTD siêu ngạch hay LN siêu ngạch.

➤ Phân biệt Địa tô TBCN với Địa tô PK

Giống nhau:

- + Điều là kết quả của bóc lột đối với người lao động NN
- + Điều là sự thực hiện về mặt kinh tế của quyền sở hữu về ruộng đất

Khác nhau:

Về mặt chất:

- + Địa tô PK phản ánh MQH giữa 2 giai cấp ĐC và ND**
- + Địa tô TBCN biểu hiện quan hệ giữa 3 giai cấp trong XH: Địa chủ, TB kinh doanh nông nghiệp; CN nông nghiệp.**

Về mặt lượng:

- + Địa tô PK gồm toàn bộ sản phẩm thặng dư do ND tạo ra, đôi khi cả một phần sản phẩm cần thiết.
- + Địa tô TBCN chỉ là một phần của sản phẩm thặng dư do CN nông nghiệp tạo ra.

Các loại địa tô TBCN

❖ *Địa tô chênh lệch :*

Có 2 loại địa tô chênh lệch:

① Địa tô chênh lệch I

② Địa tô chênh lệch II

❖ *Địa tô tuyệt đối:*

👍 ***Khái niệm*** => Địa tô chênh lệch là phần địa tô thu được ở trên những ruộng đất có lợi thế về điều kiện SX. Nó là số chênh lệch giữa giá cả SX chung (được qui định bởi điều kiện SX trên ruộng đất xấu nhất) và giá cả SX cá biệt.

👍 **Khái niệm \Rightarrow Địa tô tuyệt đối** là lợi nhuận siêu ngạch dôi ra ngoài lợi nhuận bình quân, được hình thành do cấu tạo hữu cơ của TB trong NN luôn thấp hơn cấu tạo hữu cơ của TB trong CN, nó là số chênh lệch giữa giá trị nông sản phẩm và giá cả SX chung.

So sánh Địa tô tuyệt đối và Địa tô chênh lệch

GIỐNG NHAU

- **Đều là lợi nhuận siêu ngạch**
- **Đều có nguồn gốc từ GTTD**
- **Đều là kết quả của sự chiếm đoạt lao động thặng dư của CN nông nghiệp làm thuê.**

KHÁC NHAU

- **Độc quyền tư hữu về ruộng đất là nguyên nhân sinh ra địa tô tuyệt đối;**
- **Độc quyền kinh doanh ruộng đất TBCN là nguyên nhân sinh ra địa tô chênh lệch.**

Giá cả ruộng đất

- **Giá cả ruộng đất chính là địa tô được TB hóa.**
- **Nguyên tắc xác định giá:**
Giá cả ruộng đất tỷ lệ thuận với địa tô và tỷ lệ nghịch với tỷ suất lợi tức TB gửi vào ngân hàng.

Kết luận: Lí luận địa tô TBCN của Mác không chỉ vạch rõ bản chất QHSX TBCN trong nông nghiệp mà còn là cơ sở khoa học để xây dựng các chính sách thuế đối với nông nghiệp và các ngành khác có liên quan đến đất đai có hiệu quả hơn.